

# Chính sách xã hội nông thôn ở Việt Nam và phương hướng hoàn thiện

NGUYỄN CHÍ THÀNH

**K**hu vực nông nghiệp, nông thôn có vai trò, vị trí rất quan trọng trong công cuộc đổi mới phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Vì vậy trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện cho khu vực này phát triển - đặc biệt là các chính sách xã hội. Bài viết đánh giá thực trạng các chính sách xã hội ở nông thôn trong những năm đổi mới, chỉ ra những thành tựu, bất cập và kiến nghị một số phương hướng tiếp tục hoàn thiện chính sách xã hội nông thôn Việt Nam, đáp ứng nhu cầu giai đoạn phát triển mới.

Chính sách xã hội nông thôn là hệ thống quan điểm, chủ trương, biện pháp và quản lý được thể chế hóa bằng pháp luật của Nhà nước để giải quyết những vấn đề xã hội trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia, nhằm đảm bảo cho người nông dân và gia đình họ hòa nhập vào đời sống cộng đồng. Trong hệ thống chính sách xã hội (CSXH) nông thôn, các thành tố cơ bản là: các chính sách về việc làm và thu nhập, chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội (ASXH) và chính sách cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho nông dân.

## 1. Khái quát thực trạng chính sách xã hội nông thôn ở Việt Nam

Trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách nhằm giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân nói chung và khu vực nông thôn nói riêng. Đặc biệt Hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X đã ra Nghị quyết 26-NQ/TU (ngày 5-8-2008) về "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn" khẳng định vai trò và vị trí quan trọng nông nghiệp, nông thôn, nông dân; định

hướng phát triển một nền nông nghiệp toàn diện và hiện đại; xây dựng nông thôn mới; xây dựng hệ thống an sinh xã hội nông thôn<sup>1</sup>.

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo môi trường thuận lợi góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết đáng kể tình trạng thiếu việc làm cho lao động ở khu vực nông thôn; đặc biệt tốc độ gia tăng chênh lệch giàu nghèo, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nông thôn. Trong giai đoạn 2002-2008, theo chuẩn quốc gia thì tốc độ giảm nghèo của giai đoạn này là rất cao. Năm 2002, tỷ lệ nghèo theo chi tiêu trong khu vực nông thôn là 35,6% thì đến năm 2008 giảm còn 18,7%<sup>2</sup>. Nhờ có hệ thống CSXH nông thôn, thu nhập bình của người nông dân ngày càng tăng lên, người dân nông thôn ngày càng được tiếp cận hệ thống chính sách ASXH, dịch vụ xã hội cơ bản - nhất là giáo dục, y tế, sử dụng điện, nước sạch....

---

Nguyễn Chí Thành, TS., Văn phòng Chủ tịch nước.

1. Nghị quyết 26-NQ/TU ngày 5-8-2008.

2. Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2010.

**BẢNG 1: Một số chỉ tiêu phản ánh biến đổi xã hội trong nông thôn**

TT	Chỉ tiêu	2002	2004	2006	2008
1	Tỷ lệ nghèo theo chỉ tiêu trong nông thôn (%)	35,6	25,0	20,4	18,7
2	Thu nhập bình quân 1 khẩu một tháng (1000 đồng)	275,1	378,1	505,7	762,2
3	Chỉ tiêu bình quân 1 khẩu 1 tháng (1000 đồng)	232,1	314,3	401,7	619,5
4	Chi giáo dục đào tạo bình quân 1 người đi học 1 tháng (1000 đồng)	433,0	602,0	894,0	1354,0
5	Chỉ tiêu y tế và chăm sóc sức khỏe bình quân 1 nhân khẩu/tháng (1000 đồng)		21,2	94,9	96,8
6	Tỷ lệ hộ nông dân được dùng điện lưới (%)	82,7	91,6	94,9	96,8

*Nguồn: Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2010.*

Tuy nhiên, dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thị trường hóa và quốc tế hóa, một mặt tác động đến phát triển kinh tế rõ nét; nhưng mặt khác cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội đối với người nông dân nông thôn - được hưởng thụ các thành tựu của tăng trưởng kinh tế hạn chế hơn thành thị, tình trạng đói nghèo phần lớn tập trung vào khu vực nông thôn... Có thể khái quát một số vấn đề nổi cộm hiện nay ở nông thôn như:

- *Tình trạng chung là nông thôn Việt Nam còn nghèo, nông dân còn khổ, nông nghiệp còn gặp nhiều rủi ro; thu nhập của người dân nông thôn còn thấp và khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị có xu hướng ngày càng tách xa.* Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008 của Tổng cục thống kê cho thấy: thu nhập thành thị vẫn gấp hơn 2 lần so với nông thôn; còn khoảng cách giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất có xu hướng tăng lên từ 8,1 lần năm 2002 lên 8,9 lần năm 2008.

- *Xóa đói giảm nghèo nhanh nhưng thiếu*

*bền vững.* Tỷ lệ đói nghèo ở các vùng miền núi Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Nguyên mặc dù có giảm xuống nhưng còn khá cao. Từ năm 2002 đến 2008, vùng Tây Bắc giảm từ 68,0% xuống còn 45,7%, Đông Bắc giảm từ 38,4% xuống 24,3%, Tây Nguyên giảm từ 51,8% xuống còn 24,1%, Bắc Trung Bộ giảm từ 43,9% xuống còn 22,6%. Vùng giảm nghèo đối mạnh nhất là Đông Nam Bộ, từ 10,6% xuống 3,5%<sup>3</sup>.

- *Mức độ bao phủ ASXH đối với nông dân còn quá mỏng.* Mặc dù Nhà nước đã có chính sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện đối với nông dân, nhưng mức độ bao phủ của bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với nông dân là rất thấp. Do thực hiện theo quy chế tự chi trả nên sự tham gia của người nông dân vào loại hình này gặp rất nhiều khó khăn, vì thu nhập eo hẹp nên không có người nông dân nghèo nào tham gia vào loại hình này. Số liệu sau đây phản ánh tình hình từ năm 2003 đến 2005, song đến hiện nay, tỷ lệ trên về cơ bản vẫn chưa thay đổi.

**BẢNG 2: Tham gia BHXH năm 2003- 2005 của khu vực nông thôn**

STT	Loại hình	Năm 2003	Năm 2004	Tháng 6/2005
1	Tỷ lệ lao động nông thôn so với cả nước (%)	76,65	76,43	75,83
2	Số người tham gia BHXH cả nước (người)	5.387.273	5.816.983	5.933.689
3	Số người tham gia từ xã, phường, HTX (người)	199.319	199.263	207.736
4	Tỷ lệ tham gia BHXH nông thôn so với cả nước (%)	3,7	3,4	3,5

*Nguồn: Mai Ngọc Anh: An sinh xã hội đối với nông dân trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam. Luận án Tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, HN.2009.*

3. Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008. Nxb Thống kê, 2010.

- *Bất bình đẳng trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho nông dân còn rõ nét.* Chẳng hạn, tỷ lệ dân số từ 10 tuổi trở lên biết chữ của cả nước năm 2002 là 92,1%, năm 2004 là 93,0%, năm 2006 là 93,1%, năm 2008 là 93,1%, trong khi đó, tỷ lệ người từ 10 tuổi biết chữ trở lên trong khu vực nông thôn qua các năm thứ tự là 90,9%, 91,9%, 92,1% và 92,0%, nhất là ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, tỷ lệ này rất thấp. Chẳng hạn, ở vùng Tây Bắc, tỷ lệ này năm 2002 là 79,9%, năm 2004 là 80,0%, năm 2006 là 81,4% và năm 2008 là 80,3%<sup>4</sup>.

## **2. Nguyên nhân của tình hình**

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên, trong đó phải kể đến sự nhận thức, cơ chế và chính sách giải quyết vấn đề xã hội nông thôn chưa theo kịp với sự biến đổi xã hội trong nông thôn.

Chính sách thu nhập chưa có lợi cho nông dân, quan hệ giá cả nông sản phẩm và chính sách hàng công nghiệp chưa có sự thay đổi thích ứng. Động lực phát triển kinh tế và giải quyết vấn đề xã hội trong nông thôn có xu hướng suy giảm, trong khi những động lực mới chưa phát huy. Năng lực thể chế thực hiện CSXH nông thôn còn nhiều bất cập, như: việc xây dựng hệ thống luật pháp thực hiện CSXH còn hạn chế, những bất cập về tổ chức bộ máy, trong phối hợp các chương trình, về năng lực đội ngũ,... Đặc biệt là thu chi ngân sách nhà nước (NSNN) chưa tạo điều kiện để Nhà nước chuyển đổi chức năng phù hợp với cơ chế kinh tế mới, chưa tạo điều kiện vật chất để Nhà nước ta giải quyết tốt hơn những vấn đề về CSXH nói chung, cho nông dân nói riêng.

Thực tế nước ta cho thấy, mặc dù đã có sự đổi mới, nhưng đến nay, về cơ bản Nhà nước ta vẫn là người sản xuất hàng hóa tư nhân. Chức năng chủ yếu của Nhà nước do đó cũng nặng về phía là người cung ứng hàng hóa tư nhân cho xã hội. Điều này thể hiện ở chỗ, trong cơ cấu chi NSNN, việc bố trí chi ngân sách vẫn dựa trên quan điểm ngân sách chi cho sản

xuất, tỷ lệ đầu tư cho phát triển trong NSNN là rất cao.

Với tỷ lệ chi NSNN cho đầu tư phát triển hàng năm vào khoảng 30% như thế, nên tỷ lệ đầu tư phát triển của Nhà nước trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đến nay vẫn chiếm tỷ lệ rất cao. Trong khi đó, phân chi cho giáo dục và đào tạo, lương hưu và bảo đảm xã hội chỉ trong khoảng 20-25%, nếu cộng cả chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình cũng chỉ đạt khoảng 25- 28%<sup>5</sup>. Cơ cấu chi tiêu ngân sách như thế cho thấy, Nhà nước vẫn còn là nhà nước của cơ chế kinh tế cũ, Nhà nước là người sản xuất cung ứng hàng hóa tư nhân, chứ chưa chuyển thành người cung ứng dịch vụ công cộng cho toàn xã hội. Vì thế, Nhà nước ta chưa có điều kiện tập trung giải quyết vấn đề xã hội, như bảo hiểm, trợ cấp, giáo dục, y tế... như nhà nước của các nước phát triển theo hướng nền kinh tế thị trường.

Thêm nữa, vai trò điều tiết thu nhập của Nhà nước ta hiện nay còn rất yếu, mục tiêu đảm bảo bình đẳng xã hội của định hướng XHCN ở nước ta chưa có điều kiện để thực hiện. Điều này do chính sách thu nhập của nước ta hiện nay rất lạc hậu, chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường, thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN, đồng thời cũng là công cụ để nhà nước điều tiết thu nhập của nền kinh tế. Ở nhiều nước có nền kinh tế thị trường, thuế tiền công, tiền lương là rất cao, chẳng hạn như ở CHLB Đức, chiếm hơn 30% tổng số thu về thuế<sup>6</sup>. Ở nước ta, thuế tiền công, tiền lương, hay thuế thu nhập cá nhân còn rất thấp. Do chính sách phân phối thu nhập hiện hành, tiền

4. Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2010.

5. Mai Ngọc Cường: Chính sách xã hội nông thôn Kinh nghiệm Cộng hòa Liên Bang Đức và thực tiễn Việt Nam. Nxb Lý luận chính trị, H N.2006.

6. Mai Ngọc Cường: Chính sách xã hội nông thôn Kinh nghiệm Cộng hòa Liên Bang Đức và thực tiễn Việt Nam. Nxb Lý luận chính trị, H N.2006.

lương của cán bộ, công chức trong khu vực nhà nước thấp hơn so với tổng thu nhập của họ. Do đó, Nhà nước không có cơ sở đánh thuế tiền công, tiền lương của cán bộ, công chức. Điều này đã và đang gây ra nhiều hậu quả kinh tế-xã hội cho sự phát triển cũng như cho điều tiết thu nhập để đảm bảo sự bình đẳng xã hội.

Có thể nói, những khó khăn hạn chế trong CSXH cũng như CSXH nông thôn xuất phát từ việc chậm chuyển chức năng, vai trò của Nhà nước - từ một nhà nước được tổ chức theo kiểu kế hoạch hóa tập trung để sang thực hiện những chức năng, vai trò của Nhà nước được tổ chức theo cơ chế thị trường với mục tiêu xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

### **3. Khuyến nghị phương hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội nông thôn nước ta những năm tới**

#### **3.1. Tư tưởng chỉ đạo chung là hệ thống chính sách xã hội nông thôn trong những năm tới phải đưa lại cho người nông dân lợi ích nhiều hơn là đòi hỏi sự đóng góp của họ**

Nông dân, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam có sự đóng góp vô cùng to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước, kể cả về sức người và sức của. Những năm qua, chuyển sang cơ chế thị trường, do những hạn chế của người nông dân về trình độ học vấn, yếu kém của nông thôn về cơ sở hạ tầng, những rủi ro của nền nông nghiệp phụ thuộc vào thiên nhiên, hạn hán, lụt bão, thiên tai..., do đó người nông dân luôn bị thiệt thòi về kinh tế. Có thể nói, nếu xếp bậc thu nhập, thì thu nhập chung của người nông dân xếp vào bậc thấp nhất trong xã hội sau công chức, viên chức và công nhân. Chính vì thế, đã đến lúc trong việc xây dựng hệ thống chính sách kinh tế - xã hội nói chung, chính sách xã hội nói riêng phải dựa trên quan điểm mang lại lợi ích cho người nông dân nhiều hơn là đòi

hỏi sự đóng góp của họ. Những gì có thể miễn giảm cho nông dân, Nhà nước cần mạnh dạn miễn giảm; những gì có thể hỗ trợ cho người nông dân, Nhà nước cần mạnh dạn hỗ trợ. Có như thế mới nuôi dưỡng lâu dài việc cung cấp nguồn nhân lực tiềm tàng từ nông thôn cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

#### **3.2. Xây dựng hệ thống CSXH nông thôn phải đặt trong tổng thể hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội nông thôn**

Cơ sở khoa học của vấn đề là ở chỗ, kinh tế là gốc để giải quyết vấn đề xã hội. Để quán triệt điểm này, cần chú ý tới những yêu cầu sau đây:

*Thứ nhất, trong chiến lược lao động, việc làm của quốc gia, cần đặc biệt chú ý tạo việc làm có tính nhân văn và thu nhập ngày càng cao cho nông dân, trước mắt là những nông dân bị mất đất do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa. Nhanh chóng xây dựng chiến lược đào tạo nghề cho nông dân và tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp (nghĩa rộng) và nông thôn. Tập trung sức hình thành và hoàn thiện nhanh thị trường lao động, nhằm giúp nông dân có điều kiện tìm kiếm việc làm thuận lợi hơn. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách xuất khẩu lao động. Đổi mới chính sách đầu tư đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân nói chung, với giải quyết việc làm cho nông dân nói riêng.*

*Thứ hai, xóa đói giảm nghèo trong nông thôn những năm tới phải được triển khai trên diện rộng, gắn với phát triển bền vững, thực hiện tăng trưởng vì người nghèo. Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức, thái độ và đồng thuận xã hội đối với các vấn đề đói nghèo và quyết tâm vươn lên thoát đói nghèo. Lựa chọn đúng vấn đề mang tính quyết định tạo ra khả năng thoát đói nghèo của từng gia đình, từng cộng đồng nghèo ở nông thôn để tập trung giải quyết dứt điểm. Huy động nguồn lực và sự tham gia tích cực của người dân vào phát triển kinh tế - xã hội*

và tự quản lý xã hội, cộng đồng của họ. Mở rộng cơ hội để người nghèo có thể tham gia vào phát triển kinh tế theo tín hiệu thị trường và hưởng lợi trực tiếp từ thị trường. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về xóa đói giảm nghèo theo hướng cụ thể hóa cho từng đối tượng người nghèo, cộng đồng nghèo ở nông thôn.

*Thứ ba, mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống chính sách ASXH trong khu vực nông thôn, nông dân, đối với khu vực phi chính thức và các nhóm dân tộc ít người.* Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về bản chất của chương trình ASXH nông dân và chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam, xác định rõ lợi ích từ việc tham gia các chương trình ASXH đối với người dân nông thôn. Tăng cường vai trò Nhà nước trong cung cấp bảo trợ xã hội. Chú ý tới khía cạnh tái phân phối trong các chính sách an sinh xã hội. Phát triển cộng đồng văn hóa nông thôn và phát huy các hình thức truyền thống trong việc xây dựng mạng lưới ASXH nông thôn; đồng thời, tăng cường năng lực thể chế trong các chương trình ASXH.

*Thứ tư, hoàn thiện môi trường pháp lý đảm bảo cho người dân nông thôn được bình đẳng trong sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản, trước hết là giáo dục và y tế.*

*Về dịch vụ giáo dục.* Có biện pháp lồng ghép giáo dục vào chính sách giảm nghèo và biện pháp lồng ghép giáo dục vào chính sách tăng trưởng kinh tế. Ưu tiên hỗ trợ vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc bằng cách mở trường dân tộc nội trú, cử tuyển, mở trường học cấp khu vực, vùng. Tăng cường hỗ trợ cho các vùng khó khăn nhằm thu hút trẻ em trong độ tuổi đến trường. Cải thiện cơ sở hạ tầng ở các vùng nghèo, khó khăn, đồng bào dân tộc ít người. Đẩy mạnh việc phát triển trung tâm học tập cộng đồng nhằm thu hút người lớn tuổi (thanh niên và người lớn) chưa biết chữ, đối tượng tái mù. Có chính sách để thu hút giáo viên về nông thôn, vùng sâu vùng xa. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ địa phương

trong công tác cung cấp dịch vụ giáo dục cho người dân. Điều chỉnh lại cơ chế phân bổ ngân sách cho giáo dục, ưu tiên NSNN cho giáo dục phổ thông và khu vực nông thôn. Đồng thời mở rộng và trao quyền tự chủ thật sự cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực, các cơ sở dạy nghề, các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và các trường đại học.

*Về dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở nông thôn.* củng cố và phát triển hệ thống công trong cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt tăng cường mạng lưới y tế cộng đồng, hệ thống trường lớp, phù hợp ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh phát triển hệ thống bảo hiểm y tế, nâng cao tỉ lệ tham gia của người dân. Thực hiện tốt chính sách bảo trợ xã hội cho các nhóm đối tượng (nghèo, chính sách, ...) như: cấp thẻ bảo hiểm miễn phí, ... Tích cực vận động, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc ít người sử dụng các dịch vụ y tế, khám chữa bệnh khi cần thiết, giảm thiểu việc tự chữa bệnh, tự đỡ đẻ tại nhà và cách chữa bệnh lạc hậu theo tập quán. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế về cả hoạt động chuyên môn phòng ngừa, thăm khám, chữa trị và quản lý y tế; tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các cơ sở y tế, thiết bị y tế, nhà ở cho cán bộ y tế tại các vùng nông thôn, đặc biệt là ở các vùng khó khăn, miền núi, vùng sâu, xa.

*Thứ năm, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn giải quyết giao thông nông thôn, đặc biệt là các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn, trên cơ sở đó thúc đẩy kinh tế thị trường tới vùng sâu, vùng xa.* Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch nông thôn, hệ thống trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, hệ thống điện năng đảm bảo sản xuất và đời sống cho nông thôn. Phối hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước nhằm thực hiện chính sách xã hội nông thôn như Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm, Chương trình 135, Chương trình giáo dục, y tế, nước sạch và vệ sinh môi trường,

văn hóa để sử dụng các nguồn lực đạt hiệu quả cao nhất.

### **3.3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống CSXH nông thôn phải phù hợp với cơ chế kinh tế mới, vừa quán triệt nguyên tắc kinh tế thị trường, vừa tăng cường vai trò kinh tế của nhà nước**

Thứ nhất, tiếp tục tạo động lực thúc đẩy kinh tế thị trường trong khu vực nông thôn, biến người nông dân sản xuất tự cấp tự túc thành các chủ nhân của kinh tế thị trường. Nhiều nông dân nước ta vẫn còn hoạt động sản xuất theo phương thức tự cung tự cấp. Trong cơ chế mới, cần phải chuyển họ sang hoạt động theo cơ chế thị trường, sản xuất kinh doanh theo phương thức thị trường. Muốn vậy, cần đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hóa, khuyến khích tập trung ruộng đất, hình thành các trang trại, đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp, khuyến khích người lao động trong nông thôn, đặc biệt là trong lĩnh vực ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ đăng ký hoạt động theo luật doanh nghiệp. Khuyến khích nông dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh phục vụ cho xuất khẩu và cung cấp nguyên liệu cho các ngành chế biến. Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, cần có chính sách phát triển và chuyển giao công nghệ sinh học để nâng cao năng suất và chất lượng vật nuôi, cây trồng, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích gieo trồng.

Thứ hai, tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc cung cấp dịch vụ công phù hợp với điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề then chốt ở đây là phải sớm xem xét lại tính chất NSNN và đổi mới cơ cấu thu chi, chuyển tính chất ngân sách được xây dựng trên cơ sở phục vụ sản xuất sang ngân sách phục vụ cho mục tiêu công cộng. Về chi NSNN, cần chuyển hướng từ ưu tiên tốc độ

tăng chi cho đầu tư phát triển nhanh hơn tốc độ tăng chi thường xuyên hiện nay, sang ưu tiên cho tốc độ chi thường xuyên tăng nhanh hơn tốc độ chi cho đầu tư phát triển; tiếp tục tăng tỷ lệ chi NSNN cho giáo dục phổ thông, chăm sóc sức khỏe và môi trường. Trong cơ cấu thu, cần chú ý cải thiện nguồn thu từ thuế, đặc biệt coi trọng thuế từ tiền lương, tiền công trên cơ sở cải cách căn bản chính sách tiền lương hiện hành. Nghiên cứu xây dựng chính sách thu nhập cho người nông dân có sự hỗ trợ từ NSNN (như giáo dục đào tạo miễn phí, chữa bệnh miễn phí,...) phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, tăng cường năng lực quản lý trong thực hiện chính sách xã hội nông thôn. Về tổ chức, có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong phân bổ chi tiêu của NSNN cho CSXH với các chương trình mục tiêu quốc gia để sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn tài chính từ xã hội. Nghiên cứu cơ chế sao cho các nguồn tài chính được hỗ trợ từ xã hội cho người dân nông thôn trực tiếp đến tay người được hưởng thụ, hạn chế tối đa sự thất thoát qua các khâu quản lý trung gian. Về lực lượng, tăng cường đội ngũ quản lý, nhân viên có năng lực vận hành, triển khai các CSXH đúng đối tượng. Tăng cường sự tham vấn và tham gia của người dân địa phương trong quản lý và lập kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực quản lý tại chỗ. Về kiểm tra, giám sát và nghiên cứu triển khai, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xây dựng chế độ báo cáo và ghi chép, thực hiện thanh tra, kiểm toán đảm bảo tính minh bạch trong việc sử dụng các nguồn tài chính cho CSXH nông thôn.

Thứ tư, đa dạng hóa hình thức thực hiện CSXH nông thôn trên cơ sở tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội và của người dân. Mở rộng xã hội hóa việc giải quyết các vấn đề xã hội nông thôn với vai trò nòng cốt của Nhà nước bằng các cơ chế, chính sách, nhằm đa dạng hóa sinh kế, đa dạng hóa thu

nhập cho người lao động. Động viên toàn xã hội và các cá nhân, tổ chức tham gia giải quyết các vấn đề xã hội nông thôn dưới nhiều hình thức; mở rộng hợp tác quốc tế song phương, đa phương và tổ chức phi chính phủ để tăng thêm nguồn lực giải quyết các vấn đề xã hội nông thôn theo hướng bền vững.

Nghiên cứu từng bước xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội, nhất là dịch vụ xã hội cơ bản nói chung, cho nông thôn nói riêng trong quá trình phát triển xã hội dân sự ở

nước ta, trên cơ sở phân rõ trách nhiệm của Nhà nước và các đối tác xã hội, kể cả khu vực tư nhân với sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước để hạn chế tối đa thất thoát.

Cùng với nguồn lực của Nhà nước, cần tổ chức lập và phát triển các quỹ xã hội để tạo ra nguồn lực đầy đủ cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống của các nhóm đặc thù như: nhóm dân tộc chậm phát triển; nhóm dân cư vùng sâu, xa; nhóm dân cư gặp rủi thiên tai, dịch bệnh./.

		1995	
	1994	NRP	ERP
1.0	1.0	1.0	1.0
2.0	2.0	2.0	2.0
3.0	3.0	3.0	3.0
4.0	4.0	4.0	4.0
5.0	5.0	5.0	5.0
6.0	6.0	6.0	6.0
7.0	7.0	7.0	7.0
8.0	8.0	8.0	8.0
9.0	9.0	9.0	9.0
10.0	10.0	10.0	10.0